

Số: 44/CV-PTIC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Giải trình chênh lệch và phương án khắc phục ý kiến từ chối KT

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Trước hết Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Ủy ban và Quý Sở đã nhiệt tình hỗ trợ Công ty chúng tôi công bố thông tin trong thời gian qua.

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN (PTIC)
- Người đại diện: Nguyễn Công Khởi
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Mã CP: PTC niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 V/v: Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện đã gửi báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh. Trong đó, Báo cáo tài chính do Công ty TNHH PKF Việt Nam phát hành trong đó có sự chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán, và một số ý kiến kiểm toán ngoại trừ :

- 1: Sai lệch một số chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh do các nguyên nhân sau:

STT	Chỉ tiêu	Trước soát xét	Sau soát xét	Chênh lệch	Ghi chú
A	Bảng cân đối kế toán				
1	Các khoản tương đương tiền	6,500,000,000	3,000,000,000	-3,500,000,000	Điều chỉnh khoản TGNH sang chỉ tiêu khác
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	3,500,000,000	3,500,000,000	Điều chỉnh khoản TGNH
3	Trả trước cho người bán	8,254,581,743	6,254,581,743	-2,000,000,000	ĐC khoản tiền ứng mua văn phòng
4	Phải thu về cho vay ngắn hạn	65,900,197,500	55,900,197,500	10,000,000,000	DC khoản cho SDY vay sang dài hạn
5	Hàng tồn kho	21,031,860,610	20,556,740,933	-475,119,677	HT CP Dờ dang CT ko thu hồi được vào KQKD
6	Phải thu về cho vay dài hạn		10,000,000,000	10,000,000,000	DC khoản cho SDY vay sang dài hạn
7	Nguyên giá TSCĐ	10,463,388,404	12,564,661,131	2,101,272,727	Tăng TS văn phòng
8	Phải trả người bán ngắn hạn	13,633,074,202	13,734,346,929	101,272,727	ĐC khoản tiền ứng mua văn phòng
9	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4,999,392,288	5,045,878,742	46,486,454	HT khoản thuế đất DA Vinh
10	Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	-6,795,957,784	-7,386,702,266	-590,744,482	Đo thay đổi các chỉ tiêu



B	Báo cáo KQHDKD giữa niên độ				
1	Giá vốn hàng bán	2,642,718,064	2,585,023,064	-57,695,000	ĐT CP CT sang 811
2	Doanh thu hoạt động tài chính	11,103,562,278	10,815,610,932	-287,951,346	Giảm DT và CP nội bộ
3	Chi phí tài chính	12,372,598,345	12,162,055,399	-210,542,946	Giảm DT và CP nội bộ
4	Chi phí Quản lý doanh nghiệp	3,216,085,853	3,254,302,339	38,216,486	Chi phí thuế đất DA Vinh
5	Chi phí khác	1,456,231,104	1,989,045,700	532,814,596	HT CP Dỡ dang CT ko thu hồi được vào KQKD
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-6,795,957,784	-7,386,702,266	-590,744,482	Do ảnh hưởng các chỉ tiêu trên

2. Một số ý kiến từ chối của kiểm toán:

“ Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018 tổng các khoản công nợ phải thu đã được đối chiếu là 11.735.243.223 đồng, chiếm 15% tổng số công nợ phải thu. Công nợ phải trả của Công ty chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ. Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận, tuy nhiên tại ngày phát hành báo cáo này chúng tôi không nhận được đầy đủ thư xác nhận cho các khoản công nợ trên. Với những tài liệu hiện có tại Công ty chúng tôi không thể kiểm tra được tính đúng đắn về các số liệu này bằng các thủ tục soát xét khác. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng hàng tồn kho và dự phòng đầu tư vào công ty con. Theo ước tính của chúng tôi, dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập bổ sung là 14.409.720.478 đồng, và dự phòng hàng tồn kho cần trích lập là 7.858.519.748 đồng, dự phòng đầu tư vào công ty con cần trích lập là 5.204.553.814 đồng.

Công ty chưa xử lý các tài sản thiếu tại Xí nghiệp 7 và Chi nhánh Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 1.687.007.566 đồng”.

Giải trình của PTIC: Các công trình PTIC ký với chủ đầu tư đa số là các doanh nghiệp nhà nước, Các đơn vị này hầu như ký xác nhận vào thời điểm 31/12, cho nên tại thời điểm 30/6/2018 đơn vị chỉ xác nhận được 15% tổng số công nợ phải thu đối với khách hàng. Mặt khác, các khoản tạm ứng, phải thu cá nhân của các cán bộ cũ, đơn vị không đối chiếu công nợ tại thời điểm này được mà chỉ có đối chiếu thời điểm gần nhất 31/12/2017. Do vậy tại thời điểm 30/06/2018 đơn vị chỉ đối chiếu được 15%.

Các khoản dự phòng cần phải trích lập, dự phòng hàng tồn kho và dự phòng đầu tư, tài sản thiếu chờ xử lý, đơn vị cố gắng thu hồi trong 6 tháng cuối năm và kiểm kê, phân loại sau đó có phương án xử lý.

Công ty CP đầu tư và xây dựng Bưu Điện xin giải trình đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận
 - Như Kính gửi
 - Lưu TCKT, TH

TỔNG GIÁM ĐỐC *β*

Nguyễn Công Khởi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
3. Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội cấp ngày 15 tháng 12 năm 2004. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 10 năm 2017.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
- Ông Võ Anh Linh	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên
- Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị An Ly	Thành viên
- Ông Nguyễn Công Khởi	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/04/2018) (*)

Ban kiểm soát

- Ông Nguyễn Văn Phong	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên
- Ông Phạm Vĩnh Phú	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Công Khởi	Tổng Giám đốc
- Bà Trần Thị Len	Kế toán trưởng

(*) Bổ nhiệm Ông Nguyễn Công Khởi làm thành viên Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 15/NQ-ĐHCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2018.

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Công Khởi

Số: 13/2018/BCSX-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện được lập ngày 31 tháng 8 năm 2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 được trình bày từ trang 7 đến trang 41 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Chúng tôi đã làm các thủ tục soát xét số dư đầu kỳ. Tuy nhiên, với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể kiểm tra được tính đúng đắn về các số liệu này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (tiếp theo)

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, tổng các khoản công nợ phải thu đã được đối chiếu là 11.735.243.223 đồng, chiếm 15% tổng số công nợ phải thu. Công nợ phải trả của Công ty chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ. Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận, tuy nhiên tại ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi không nhận được đầy đủ thư xác nhận cho các khoản công nợ trên. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể kiểm tra được tính đúng đắn về các số liệu này bằng các thủ tục soát xét khác. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng hàng tồn kho và dự phòng đầu tư vào công ty con. Theo ước tính của chúng tôi, dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập bổ sung là 14.409.720.478 đồng, dự phòng hàng tồn kho cần trích lập là 7.858.519.748 đồng, dự phòng đầu tư vào công ty con cần trích lập là 5.204.553.814 đồng.

Công ty chưa xử lý các tài sản thiếu tại Xí nghiệp 7 và Chi nhánh Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 1.687.007.566 đồng.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 29/8/2017.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty CP Cấp quang Việt Nam VINA- OFC chưa được soát xét.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 1022-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

			Đơn vị: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		321.406.803.168	310.184.268.788
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.198.554.209	15.051.347.657
Tiền	111		1.198.554.209	10.051.347.657
Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.7	195.266.409.604	191.908.409.604
Chứng khoán kinh doanh	121		192.827.409.604	192.827.409.604
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.061.000.000)	(919.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.243.533.443	79.136.110.640
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	29.135.438.721	41.464.633.823
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.254.581.743	9.355.110.179
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4a	55.900.197.500	22.700.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	42.906.717.988	40.045.415.622
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(36.640.410.075)	(36.116.056.550)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.687.007.566	1.687.007.566
Hàng tồn kho	140	5.6	20.556.740.933	22.011.666.027
Hàng tồn kho	141		20.556.740.933	22.011.666.027
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.141.564.979	2.076.734.860
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.601.975	23.094.551
Thuế GTGT được khấu trừ	152		58.376.744	9.054.049
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	2.044.586.260	2.044.586.260
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		159.884.967.574	161.743.185.989
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.056.815.000	43.157.012.500
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4b	10.000.000.000	43.100.197.500
Phải thu dài hạn khác	216		56.815.000	56.815.000
Tài sản cố định	220		3.011.535.711	1.082.796.166
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	3.011.535.711	1.082.796.166
- Nguyên giá	222		12.564.661.131	11.594.370.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.553.125.420)	(10.511.574.057)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		378.200.000	378.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(378.200.000)	(378.200.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	39.432.169.765	39.432.169.765
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		33.805.321.803	33.805.321.803
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.626.847.962	5.626.847.962
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	107.090.945.491	77.556.185.611
Đầu tư vào công ty con	251		23.302.512.373	28.525.012.373
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		100.036.391.677	14.210.875.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.180.000.000	56.248.256.797
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.427.958.559)	(21.427.958.559)
Tài sản dài hạn khác	260		293.501.607	515.021.947
Chi phí trả trước dài hạn	261		293.501.607	515.021.947
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		481.291.770.742	471.927.454.777

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/06/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		283.771.427.306	267.020.409.075
Nợ ngắn hạn	310		81.581.705.742	65.684.780.589
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	13.734.346.929	21.937.447.098
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	3.717.623.993	4.715.174.104
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.045.878.742	5.105.770.772
Phải trả người lao động	314		608.637.331	582.992.973
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.999.393.816	4.311.092.277
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	22.952.288.798	23.498.429.321
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	32.414.973.896	5.425.311.807
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		108.562.237	108.562.237
Nợ dài hạn	330		202.189.721.564	201.335.628.486
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.044.721.562	1.226.061.818
Phải trả dài hạn khác	337	5.16	545.000.000	642.900.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	199.600.000.002	199.466.666.668
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197.520.343.436	204.907.045.702
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	197.520.343.436	204.907.045.702
Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.999.990.000	179.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.999.990.000	179.999.990.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		35.684.263.731	35.684.263.731
Cổ phiếu quỹ	415		(10.792.686.881)	(10.792.686.881)
Quỹ đầu tư phát triển	418		27.646.195.601	27.646.195.601
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(35.017.419.015)	(27.630.716.749)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(27.630.716.749)	(31.340.085.216)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.386.702.266)	3.709.368.467
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		481.291.770.742	471.927.454.777

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Đoàn Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Len

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Khởi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.240.194.523	3.847.613.105
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	63.025.520
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.240.194.523	3.784.587.585
Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.585.023.064	3.527.767.001
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.344.828.541)	256.820.584
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.815.610.932	29.017.881.540
Chi phí tài chính	22	6.4	12.162.055.399	9.382.901.947
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.718.549.941	14.941.783.296
Chi phí bán hàng	25		-	298.155.702
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.254.302.339	18.385.034.512
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.945.575.347)	1.208.609.963
Thu nhập khác	31	6.6	547.918.781	411.371.904
Chi phí khác	32	6.7	1.989.045.700	102.672.229
Lợi nhuận khác	40		(1.441.126.919)	308.699.675
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.386.702.266)	1.517.309.638
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.386.702.266)	1.517.309.638
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	-	-

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Đoan Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Len

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Khởi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(7.386.702.266)	1.517.309.638
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	172.533.182	352.063.059
Các khoản dự phòng	03	666.353.525	9.608.729.600
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.021.065.477)	(9.742.109.562)
Chi phí lãi vay	06	11.718.549.941	14.941.783.296
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.850.331.095)	16.677.776.031
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	12.519.098.477	(18.387.236.056)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.454.925.094	(2.609.181.008)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(12.267.034.233)	(15.610.234.875)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	206.012.916	114.123.814
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(60.088.691.713)
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.791.432.293)	(15.066.922.186)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(11.340.912)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.728.761.134)	(94.981.706.905)
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	205.454.545	-
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(3.800.000.000)	(38.700.197.500)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.000.000	21.500.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(35.757.259.880)	(73.640.217.410)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	10.369.000.000	10.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.669.110.932	9.109.157.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.113.694.403)	(71.731.257.323)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	39.135.803.460	420.923.629.083
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.146.141.371)	(278.050.996.910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.989.662.089	142.872.632.173
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10.852.793.448)	(23.840.332.055)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.051.347.657	36.449.075.221
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.198.554.209	12.608.743.166

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Đoàn Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Len

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Khởi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn Thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2004 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10, ngày 10 tháng 10 năm 2017.

Công ty có tên giao dịch: Post and Telecommunications Investment and Construction Joint Stock Company (PTIC.,JSC). Công ty đã thực hiện niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán PTC.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 26 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 34 người).

Trong kỳ, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại công ty con - Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cấu trúc của doanh nghiệp như sau:

Công ty mẹ	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 3	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 5	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 7	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tòa nhà Kim Tâm Hải, số 27 đường Trường Chinh, phường Tân Thời Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

Công ty con	Địa chỉ
Công ty Cổ phần PTIC-PTZ công nghệ Viễn Thông	Lô 17H2 khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Cáp Quang Việt Nam VINA - OFC	Số 1 ngõ Núi Trúc, đường Giang Văn Minh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 cho mục đích công bố thông tin.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc và thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư tài chính.

Dự phòng đầu tư tài chính của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí mua bảo hiểm...

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

4.10 Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.

Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua/bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này:

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Áp dụng theo quy định hiện hành.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

4.18 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	106.877.819	557.375.047
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.091.676.390	1.820.872.611
Tiền đang chuyển	-	7.673.099.999
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	4.198.554.209	15.051.347.657

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, lãi suất 4,1% đến 4,5%/năm, tự động gia hạn khi hết hạn.

5.2. Phải thu khách hàng

	30/06/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tập đoàn viễn thông Quân đội	3.065.958.491	3.065.958.491
Viễn thông tỉnh Nam Định	2.474.179.384	6.441.713.184
Phải thu các khách hàng khác	23.595.300.846	31.956.962.148
Cộng	29.135.438.721	41.464.633.823
Trong đó: Phải thu khách hàng các bên liên quan (xem thuyết minh 7.1)	63.667.663	86.432.695

5.3. Trả trước cho người bán

	30/06/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cp Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	1.646.295.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	1.238.690.800	1.238.690.800
Công ty TNHH TM DV XD Hà Bảo Châu	507.301.367	507.301.367
Các khách hàng khác	2.862.294.576	5.962.823.012
Cộng	6.254.581.743	9.355.110.179

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.4. Phải thu về cho vay

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a/ Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Trần Quang Ninh (*)	22.400.000.000	22.100.000.000
Dài hạn chuyển sang	33.100.197.500	-
Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly (***)		
Tạ Anh Tú (**)	400.000.000	400.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	-	200.000.000
Cộng	55.900.197.500	22.700.000.000
<i>Trong đó: Phải thu về cho vay bên liên quan (Xem thuyết minh 7.1)</i>	-	200.000.000
b/ Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly (***)	10.000.000.000	43.100.197.500
Cộng	10.000.000.000	43.100.197.500

(*) Khoản cho ông Trần Quang Ninh vay theo các hợp đồng số 2308/HĐVV-PTIC- SDY, 1409/HĐVV -PTIC-SDY, 2109/HĐVV-PTIC-SDY, 2509/HĐVV-PTIC-SDY và 2712/HĐVV-PTIC-SDY với thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay với lãi suất 12%/năm. Mục đích của khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(**) Khoản cho ông Tạ Anh Tú vay theo hợp đồng số 3012/HĐVV-PTIC ngày 30 tháng 12 năm 2016 thời hạn vay là 06 tháng, và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/TAT-PTIC ngày 25 tháng 06 năm 2017 gia hạn thời gian vay 06 tháng. Số tiền cho vay là 400.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 13,5%/năm. Mục đích cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(***) Khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly vay theo các hợp đồng cho vay vốn với thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt với lãi suất 11%/năm. Mục đích của khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất xi măng và các phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly. Số ngắn hạn được phân loại lại theo các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập Báo cáo tài chính. Chi tiết như sau:

- Hợp đồng vay vốn số 1603/HĐVV -PTIC - SDY ngày 16 tháng 03 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 1603/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa là 9.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 2404/HĐVV -PTIC - SDY ngày 24 tháng 04 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 2404/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa là 6.500.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 05 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 24.300.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 1107/HĐVV-PTIC SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 1107/HĐVV -PTIC - SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 5.880.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 1412/HĐVV-PTIC SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 3.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.5. Phải thu khác

	30/06/2018 (VND)	Dự phòng (VND)	01/01/2018 (VND)	Dự phòng (VND)
a. Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu các khoản tạm ứng	25.183.403.009	16.093.061.275	27.737.162.514	16.093.061.275
Ký cược, ký quỹ	246.878.000	-	246.878.000	-
Lãi cho vay Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly	5.396.868.281	-	3.013.187.914	-
Lãi cho vay ông Trần Quang Ninh	2.540.133.333	-	830.900.000	-
Phải thu khác	9.539.435.365	-	8.217.287.194	-
Cộng	42.906.717.988	16.093.061.275	40.045.415.622	16.093.061.275

5.6. Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	20.077.211	-	20.077.211	-
Công cụ, dụng cụ	16.903.363	-	16.903.363	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.721.498.407	-	21.176.423.501	-
Thành phẩm	391.337.917	-	391.337.917	-
Hàng hoá	375.692.450	-	383.087.450	-
Hàng gửi bán	31.231.585	-	23.836.585	-
Cộng	20.556.740.933	-	22.011.666.027	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.7. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)
a) Chứng khoán kinh doanh						
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu Điện	1.175.000.000	114.000.000	1.061.000.000	1.175.000.000	256.000.000	919.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	191.652.409.604	338.223.648.000	-	191.652.409.604	284.872.894.000	-
Cộng	192.827.409.604	338.337.648.000	1.061.000.000	192.827.409.604	285.128.894.000	919.000.000

Giá trị hợp lý Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu Điện lấy theo số lượng cổ phần nhân giá đóng cửa ngày 29/06/2018 của cổ phiếu này là 5.700 đồng/cổ phiếu, số lượng nắm giữ là 20.000 cổ phiếu.

Giá trị hợp lý Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam lấy theo số lượng cổ phần nhân giá đóng cửa ngày 29/06/2018 của cổ phiếu này là 33.600 đồng/cổ phiếu, số lượng nắm giữ là 10.066.180 cổ phiếu.

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
Cộng	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-

(*) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,4%/ năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.8. Nợ xấu

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Công ty CP Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	-	1.646.295.000	1.646.295.000	-	1.646.295.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	1.238.690.800	-	1.238.690.800	1.238.690.800	-	1.238.690.800
Phạm Tùng Việt	2.377.134.286	-	2.377.134.286	2.377.134.286	-	2.377.134.286
Nguyễn Ngọc Anh	1.642.295.608	-	1.642.295.608	1.642.295.608	-	1.642.295.608
Nguyễn Thành Nam	2.553.350.025	-	2.553.350.025	2.553.350.025	-	2.553.350.025
Trần Thị Tâm	1.861.652.035	-	1.861.652.035	1.861.652.035	-	1.861.652.035
Nguyễn Huy Giang	1.173.280.126	-	1.173.280.126	1.173.280.126	-	1.173.280.126
Các đối tượng khác	58.465.769.514	34.318.057.319	24.147.712.195	23.624.561.259	1.202.589	23.623.358.670
Cộng	70.958.467.394	34.318.057.319	36.640.410.075	36.117.259.139	1.202.589	36.116.056.550

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc (VND)	Máy móc thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	53.812.371	6.753.107.378	3.321.793.589	1.465.656.885	11.594.370.223
Mua trong kỳ	2.101.272.727	-	-	-	2.101.272.727
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.130.981.819)	-	(1.130.981.819)
Số dư tại ngày 30/06/2018	2.155.085.098	6.753.107.378	2.190.811.770	1.465.656.885	12.564.661.131
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	53.812.371	6.073.768.941	2.918.335.860	1.465.656.885	10.511.574.057
Khấu hao trong kỳ	-	127.704.546	44.828.636	-	172.533.182
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.130.981.819)	-	(1.130.981.819)
Số dư tại ngày 30/06/2018	53.812.371	6.201.473.487	1.832.182.677	1.465.656.885	9.553.125.420
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	-	679.338.437	403.457.729	-	1.082.796.166
Tại ngày 30/06/2018	2.101.272.727	551.633.891	358.629.093	-	3.011.535.711

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 7.489.353.859 đồng. Không có tài sản cố định cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.10. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án tiểu khu đô thị Viễn thông & Công nghệ thông tin Nghệ An (*)	33.752.884.925	33.752.884.925	33.752.884.925	33.752.884.925
Dự án tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	52.436.878	52.436.878	52.436.878	52.436.878
Cộng	33.805.321.803	33.805.321.803	33.805.321.803	33.805.321.803
			30/06/2018	01/01/2018
			(VND)	(VND)
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Đầu tư mua sắm tài sản cố định			589.446.250	589.446.250
- Mua đất tại thành phố Hồ Chí Minh			589.446.250	589.446.250
Xây dựng cơ bản dở dang			5.037.401.712	5.037.401.712
- Dự án đất C30 TP Hồ Chí Minh (**)			5.037.401.712	5.037.401.712
Cộng			5.626.847.962	5.626.847.962

(*) Công ty đầu tư vào dự án Tổ hợp Đô thị viễn thông và Công nghệ thông tin tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo các quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An từ năm 2008 đến năm 2012. Hiện tại, Công ty đang tìm đối tác để tiếp tục triển khai dự án này hoặc thanh lý thu hồi vốn đầu tư.

(**) Theo Quyết định số 246/QĐ-ĐTPT-HĐQT ngày 19 tháng 09 năm 2003 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Công ty đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu C30 tại số 270 đường Lý Thường Kiệt, quận 10 và quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện dự án đang tạm dừng triển khai. Công ty đang làm các thủ tục với bên liên quan để thu hồi vốn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2018				01/01/2018			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	cổ phần	(VND)	(VND)	(VND)	cổ phần	(VND)	(VND)	(VND)
a) Đầu tư vào công ty con								
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	2.170.251	21.702.512.373	(*)	16.497.958.559	2.170.251	21.702.512.373	(*)	16.497.958.559
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2	-	-	-	-	100.000	1.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	-	-	-	-	513.000	5.222.500.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	160.000	1.600.000.000	(*)	-	60.000	600.000.000	(*)	-
Cộng		23.302.512.373		16.497.958.559		28.525.012.373		16.497.958.559

(*) Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ Viễn thông và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1 để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi vì các Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông đang dừng hoạt động nhưng chưa lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư do vẫn còn công nợ phải trả Công ty này.

	30/06/2018				01/01/2018			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	cổ phần	(VND)	(VND)	(VND)	cổ phần	(VND)	(VND)	(VND)
b) Đầu tư vào công ty liên kết								
Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam VINA - OFC	2.227.500	14.210.875.000	(*)	-	2.227.500	14.210.875.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	5.118.900	85.825.516.677	107.496.900.000	-	-	-	-	-
Cộng		100.036.391.677	107.496.900.000	-		14.210.875.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

- (*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết nêu trên.

Giá trị hợp lý Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu lấy theo số lượng cổ phần nhân giá đóng cửa ngày 29/06/2018 của cổ phiếu này là 21.000 đồng/cổ phiếu.

	30/06/2018				01/01/2018			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng cổ phần	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện	493.000	4.930.000.000	(*)	4.930.000.000	493.000	4.930.000.000	(*)	4.930.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn Thông	25.000	250.000.000	(*)	-	25.000	250.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	-	-	-	-	3.409.600	51.068.256.797	76.375.040.000	-
Cộng		5.180.000.000		4.930.000.000		56.248.256.797	76.375.040.000	4.930.000.000

- (*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty nêu trên tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty nêu trên. Công ty Cổ phần Công nghệ cấp quang và Thiết bị Bưu điện đang lâm vào tình trạng phá sản nên theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC trích lập 100% giá trị khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.12. Phải trả người bán**a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	1.507.754.920	1.507.754.920	5.469.498.111	5.469.498.111
Công ty CP Đầu tư TM và XD Hồng Hà	1.290.916.200	1.290.916.200	4.301.145.200	4.301.145.200
Công ty CP Ptic-ZTE Công nghệ Viễn thông	604.387.833	604.387.833	604.387.833	604.387.833
Công ty CP Đầu tư và sản xuất Việt Hàn	488.518.064	488.518.064	488.518.064	488.518.064
Các khách hàng khác	9.842.769.912	9.842.769.912	11.073.897.890	11.073.897.890
Cộng	13.734.346.929	13.734.346.929	21.937.447.098	21.937.447.098
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh 7.1)	2.559.267.953	2.559.267.953	6.521.011.144	6.521.011.144

5.13. Người mua trả tiền trước

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Ban Quản lý dự án TP Biên Hòa	509.000.000	509.000.000	509.000.000	509.000.000
Ban Quản lý dự án nâng cấp đô thị TP Cần Thơ	246.104.539	246.104.539	246.104.539	246.104.539
Công ty TNHH một thành viên - Công ty TV QLDA khí	956.404.007	956.404.007	956.404.007	956.404.007
Các khách hàng khác	2.006.115.447	2.006.115.447	3.003.665.558	3.003.665.558
Cộng	3.717.623.993	3.717.623.993	4.715.174.104	4.715.174.104

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.14. Thuế và các khoản phải thu, nộp Nhà nước

	30/06/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2018
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	2.044.586.260	-	-	2.044.586.260
b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	161.150.212	340.252.604	347.321.743	168.219.351
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	3.614.570.880	-	2.011.617	3.616.582.497
Thuế thu nhập cá nhân	141.079.705	33.567.981	75.650.143	183.161.867
Thuế khác, phí và lệ phí	1.129.077.945	60.719.749	69.448.861	1.137.807.057
Cộng	5.045.878.742	434.540.334	494.432.364	5.105.770.772

(*) Công ty đang đối chiếu số liệu thuế phải nộp, đã nộp với cơ quan thuế tại văn phòng Công ty và các chi nhánh, xí nghiệp. Do vậy số thuế chưa nộp không bị tính lãi chậm nộp thuế theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.15. Chi phí phải trả

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí dự án, công trình	2.883.420.956	2.347.423.461
Chi phí phải trả khác	4.028.416	20.717.495
Chi phí lãi vay	111.944.444	184.826.796
Chi phí trích trước các công trình	-	1.758.124.525
Cộng	2.999.393.816	4.311.092.277

5.16. Phải trả khác

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	2.975.040	299.889.681
BHXH, BHYT, BHTN	74.333.530	2.240.000
Phải trả về cổ phần hoá	51.520.000	51.520.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.198.575.000	1.198.575.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.624.885.228	21.946.204.640
- Công ty CP PTIC-ZTE Công nghệ Viễn thông	7.666.800.000	7.666.800.000
- Phạm Tùng Việt	2.999.940.169	2.999.940.169
- Nguyễn Đình Thắng	1.245.949.520	1.245.949.520
- Hoàng Xuân Tú	1.167.223.350	1.167.223.350
- Các khoản phải trả khác	8.544.972.189	8.866.291.601
Cộng	22.952.288.798	23.498.429.321
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	545.000.000	642.900.000
- Tiền đặt cọc thực hiện công trình, thuê VP	545.000.000	642.900.000
Cộng	545.000.000	642.900.000
Trong đó: Phải trả bên liên quan (xem thuyết minh 7.1)	7.666.800.000	7.666.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2018		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Vay tổ chức kinh tế	26.946.234.394	26.946.234.394	38.908.511.148	11.962.276.754	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	26.946.234.394	26.946.234.394	38.908.511.148	11.962.276.754	-	-
Vay cá nhân (i)	5.468.739.502	5.468.739.502	227.292.312	183.864.617	5.425.311.807	5.425.311.807
Ngô Thị Cúc	1.030.000.000	1.030.000.000	-	-	1.030.000.000	1.030.000.000
Hoàng Đình Chiến	620.000.000	620.000.000	-	-	620.000.000	620.000.000
Vay các cá nhân khác	3.818.739.502	3.818.739.502	227.292.312	183.864.617	3.775.311.807	3.775.311.807
Cộng	32.414.973.896	32.414.973.896	39.135.803.460	12.146.141.371	5.425.311.807	5.425.311.807

- (i) Vay cá nhân là các khoản huy động vốn ngắn hạn cán bộ công nhân viên Công ty và các đối tượng khác với lãi suất từ 8% đến 12% để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty, thời hạn vay từ 01 đến 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

a) Trái phiếu phát hành	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá trị (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn
Loại phát hành theo mệnh giá	200.000.000.000	(*)	3 năm	200.000.000.000	(*)	3 năm
Cộng	200.000.000.000			200.000.000.000		

b) Chi tiết các bên nắm giữ trái phiếu	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
Trái phiếu phát hành	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán IB	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	43.000.000.000	43.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần SCI	48.000.000.000	48.000.000.000	-	-
Quỹ đầu tư khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(399.999.998)	(399.999.998)	(533.333.332)	(533.333.332)
Cộng	199.600.000.002	199.600.000.002	199.466.666.668	199.466.666.668

Giá trị trái phiếu của các trái chủ thay đổi do mua bán trái phiếu giữa các đơn vị với nhau, không làm thay đổi giá trị trái phiếu Công ty đã phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

(*) Ngày 28 tháng 12 năm 2016, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 200.000.000.000 đồng (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000.000 đồng). Trái phiếu phải hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 10,5%/năm cho hai kỳ tính lãi đầu tiên (kỳ tính lãi 6 tháng/lần), và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng hoặc kỳ 365 ngày (nếu không có kỳ hạn 12 tháng) công bố tại Sở Giao dịch của bốn ngân hàng thương mại gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tiền thu được để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ của công ty. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là cổ phiếu lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB bao gồm:

Bên đảm bảo	Tên tổ chức phát hành	Loại cổ phiếu	Niêm yết	Số lượng cổ phiếu
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	7.538.059
Võ Anh Linh (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	4.350.240
Trần Thị Kim Thoa (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	4.399.998
Phạm Vĩnh Phú (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	2.272.648

(i) Các cá nhân trên là chủ sở hữu hợp pháp các cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTC), các chứng khoán này được lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB và đã thực hiện phong tỏa các cổ phiếu thuộc sở hữu của các cá nhân trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5.19. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2017	179.999.990.000	35.684.263.731	-	27.646.195.601	(31.340.085.216)	211.990.364.116
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.709.368.467	3.709.368.467
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(10.792.686.881)	-	-	(10.792.686.881)
Số dư tại ngày 01/01/2018	179.999.990.000	35.684.263.731	(10.792.686.881)	27.646.195.601	(27.630.716.749)	204.907.045.702
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(7.386.702.266)	(7.386.702.266)
Số dư tại ngày 30/06/2018	<u>179.999.990.000</u>	<u>35.684.263.731</u>	<u>(10.792.686.881)</u>	<u>27.646.195.601</u>	<u>(35.017.419.015)</u>	<u>197.520.343.436</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

b) Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu phổ thông	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.790.000	1.790.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.790.000	1.790.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.209.999	16.209.999
- Cổ phiếu phổ thông	16.209.999	16.209.999
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 (VND)/ cổ phiếu		

5.23. Báo cáo bộ phận

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận", Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.240.194.523	3.847.613.105
<u>Trong đó:</u>		
Doanh thu bán hàng hóa	520.540.000	1.043.630.000
Doanh thu hoạt động xây lắp	649.236.559	2.242.175.526
Doanh thu cung cấp dịch vụ	70.417.964	561.807.579
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	63.025.520
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.240.194.523	3.784.587.585

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.246.390.932	2.883.756.895
Lãi từ việc bán chứng khoán	4.146.500.000	19.073.188.645
Lãi bán trái phiếu	-	210.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.422.720.000	6.850.936.000
Cộng	10.815.610.932	29.017.881.540

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền vay	11.718.549.941	14.941.783.296
Lỗ tỷ giá	-	22.785.699
Dự phòng/(Hoàn nhập) các khoản đầu tư	142.000.000	(5.781.667.048)
Chi phí tài chính khác	301.505.458	200.000.000
Cộng	12.162.055.399	9.382.901.947

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	889.937.929	1.171.576.077
Chi phí đồ dùng văn phòng	340.845.539	555.039.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	102.024.120
Thuế, phí và lệ phí	-	69.729.681
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	524.353.525	15.390.396.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.257.575.203	805.179.457
Chi phí bằng tiền khác	241.590.143	291.088.847
Cộng	3.254.302.339	18.385.034.512

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	205.454.545	7.416.667
Các khoản khác	342.464.236	403.955.237
Cộng	547.918.781	411.371.904

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Nộp phạt vi phạm hành chính, hợp đồng	900.000.000	12.190.924
Giá trị xây lắp dở dang đã hết doanh thu	532.814.596	-
Tiền thuê mặt bằng	293.273.352	-
Các khoản khác	262.957.752	90.481.305
Cộng	1.989.045.700	102.672.229

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>		
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.386.702.266)	1.517.309.638
Chi phí không được trừ:	900.000.000	-
<i>Nộp phạt vi phạm hành chính, lập dự phòng</i>	900.000.000	-
Cổ tức được chia	2.422.720.000	6.850.936.000
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.909.422.266)	(5.333.626.362)
Lỗi năm trước mang sang	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động chính	-	-
<u>Hoạt động chuyển nhượng bất động sản</u>		
Thu nhập tính thuế trong kỳ	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-
Cộng	-	-

6.9 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.695.000	-
Chi phí nhân công	907.326.384	1.659.296.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.533.182	352.063.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.267.629.564	6.282.722.695
Chi phí khác bằng tiền	241.590.143	350.240.827
Cộng	4.646.774.273	8.644.322.758

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty liên kết

Giao dịch với bên liên quan trong kỳ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Cổ tức được chia		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	36.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	3.583.230.000	-
Mua hàng		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	660.220.650	-
Thanh toán tiền hàng		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	4.687.985.906	-

Số dư với bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	52.221.813	52.221.813
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	11.445.850	34.210.882
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	482.121.268	482.121.268

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

7.1 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Phải trả nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	604.387.833	604.387.833
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	447.125.200	447.125.200
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	1.507.754.920	5.469.498.111
Phải trả, phải nộp khác		
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	7.666.800.000	7.666.800.000
Cho vay		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	-	200.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Tiền lương, thưởng	314.016.626	211.553.293
Cộng	314.016.626	211.553.293

7.2 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Đoàn Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Len

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Khời